TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/KDTM-ST
Ngày: 12- 5- 2025
V/v "Tranh chấp Hợp đồng thi công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Dũng
2. Ông Huỳnh Bá Dương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký tòa án nhân dân quận N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2024/TLST-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng thi công"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 21/2025/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* **Công ty cổ phần S.** Địa chỉ: A T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Phan Anh D- Chức vụ: Tổng giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Phan Anh K - Chức vụ: Kế toán trưởng, theo Giấy ủy quyền số 06/2024/UQ-CTy ngày 19/11/2024 của Tổng giám đốc *(Có mặt)*.

* *Bị đơn:* **Công ty cổ phần X-V**. Địa chỉ: Tầng C tòa nhà D, số H phố L, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Minh H - Chức vụ: Tổng giám đốc. *Người đại diện theo uỷ quyền*: ông Trịnh Văn V. Chức vụ: Chỉ huy trưởng, theo Giấy uỷ quyền số 03/2025/UQ/DTV-TC-KT ngày 02/4/2025 (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn là ông Nguyễn Phan Anh K trình bày:*

Công ty CP S và Công ty cổ phần X-V có giao kết và thực hiện các Hợp đồng cụ thể như sau:

I. Hợp đồng thi công số: 0611/2018/HĐTC/DELTAV-S ngày 06/11/2018:

Công ty cổ phần S là đơn vị đảm nhận Cung cấp và thi công xây lắp hệ thống cơ điện của công trình: Toà nhà căn hộ khách sạn N (sau đây gọi tắt là "Công trình") thuộc Dự án Khu nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp the E (sau đây gọi tắt là " Dự án") tại đường T, Phường H, quận N, Thành phố Đà Nẵng.

Theo hồ sơ quyết toán và thanh lý hợp đồng đã ký kết ngày 07 tháng 12 năm 2020, giá trị quyết toán công trình trên như sau:

- Tổng giá trị quyết toán trước thuế: 38.500.427.445 đồng;
- Thuế GTGT: 3.850.042.745 đồng;
- Tổng giá trị quyết toán sau thuế (giá trị xuất hoá đơn) 42.350.470.190 đồng;
- Các khoản khấu trừ sau thuế: 379.593.687 đồng;
- Giá trị 5% giá trị quyết toán sau thuế để bảo hành, được bảo lãnh bằng thư bảo hành 2.117.523.510 đồng;
- Tổng giá trị bên A đã nghiệm thu, thanh toán cho bên B là 24.791.284.666 đồng;
- Giá trị đã giải ngân: 21.132.522.916 đồng;
- Giá trị đủ điều kiện nhưng chưa thanh toán: 3.658.761.750 đồng;
- Giá trị còn lại đề nghị thanh toán: 17.179.591.837 đồng;
- Giá trị bên A còn phải giải ngân trả cho bên B đến thời điểm thanh lý:20.838.353.587 đồng;

Đến thời điểm đối chiếu công nợ ngày 31/12/2022 thì số dư công nợ cũng thể hiện số liệu là: 18.838.353.587 đồng.

- Ngày 20/4/2023, Bên A thanh toán số tiền:1.000.000.000 đồng;
- Ngày 28/4/2023, Bên A thanh toán số tiền:1.000.000.000 đồng;
- Ngày 13/8/2024, Bên A thanh toán số tiền: 200.000.000 đồng;

Như vậy, đến thời điểm khởi kiện, Bên A (Công ty cổ phần X-V) còn nợ Công ty cổ phần S số tiền là: 16.638.353.587 đồng.

II. Hợp đồng 3001/2021/HĐTC DELTA V- SEATECCO ngày 30/01/2021:

Công ty cổ phần S là đơn vị đảm nhận "Cung cấp và thi công xây lắp hệ thống cơ điện căn mẫu" cho công trình: Dự án Khu nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp the E (sau đây gọi tắt là " Dự án") tại đường T, Phường H, quận N, Thành phố Đà Nẵng.

Theo hồ sơ quyết toán và thanh lý hợp đồng đã ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022, giá trị quyết toán công trình trên như sau:

- Tổng giá trị quyết toán trước thuế: 243.140.116 đồng;
- Thuế GTGT: 19.451.209 đồng;
- Tổng giá trị quyết toán sau thuế (giá trị xuất hoá đơn): 262.591.325 đồng;
- Các khoản khấu trừ sau thuế: 4.158.043 đồng;
- Giá trị đã giải ngân: 80.082.592 đồng;
- Giá trị bên A (Công ty cổ phần X) còn phải trả cho Công ty cổ phần S đến thời điểm thanh lý: 178.350.690 đồng.

III. Hợp đồng 0708/2021/HĐTC DELTA V – S ngày 07/08/2021:

Công ty cổ phần S là đơn vị đảm nhận "Cung cấp và thi công xây lắp hệ thống cơ điện 698 căn" cho "Toà nhà căn hộ khách sạn C (COR 4)" của dự án "Khu nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp the E (sau đây gọi tắt là "Dự án") tại đường T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Theo số liệu quyết toán đã chấp nhận giữa hai bên, giá trị quyết toán công trình trên như sau:

- Tổng giá trị quyết toán trước thuế: 15.403.667.432 đồng;
- Thuế GTGT: 1.540.366.743 đồng;
- Tổng giá trị quyết toán sau thuế (giá trị xuất hoá đơn): 16.944.034.175 đồng;
- Các khoản khấu trừ sau thuế: 78.227.211 đồng;
- Tổng giá trị bên A đã nghiệm thu, thanh toán cho bên Blà: 21.139.613.745 đồng;
- Giá trị đã giải ngân: 21.139.613.745 đồng;
- Giá trị còn lại đề nghị thanh toán: - 4.273.806.781 đồng;
- Giá trị bên A (Công ty cổ phần X) còn phải giải ngân trả cho Công ty cổ phần S đến thời điểm thanh lý: -4.273.806.781 đồng.

Như vậy, tổng số nợ gốc của 03 Hợp đồng trên phía Công ty cổ phần X-V còn nợ là: 16.638.353.587 đ + 178.350.690 đ -4.273.806.781 đ = 12.542.897.496 đồng.

Tại Công văn số 431/2024/CV/DTV-CT-KT ngày 29/8/2024 về việc "*Cam kết thanh toán công nợ*" Công ty cổ phần X đã thừa nhận toàn bộ số nợ gốc của cả 03 Hợp đồng nói trên là 12.542.897.496 đồng và cam kết tiến độ thanh toán như sau:

- Thanh toán trong tháng 9/2024: 542.897.496 đồng;
- Công nợ còn lại 12.000.000.000 đồng sẽ thanh toán trong vòng 06 tháng, từ tháng 10/2024 đến tháng 3/2025, mỗi tháng 2.000.000.000 đồng;

Tuy nhiên, mãi đến 21/01/2025 Công ty cổ phần X -V mới thanh toán được 300.000.000 đồng, ngày 22/01/2025 thanh toán được 200.000.000 đồng và ngày

29/4/2025 thanh toán tiếp 200.000.000 đồng. Ngoài ra, trước đó vào ngày 29.11.2024 Công ty cổ phần X - V còn thanh toán được 100.000.000 đồng. Tổng cộng: 800.000.000 đồng. Như vậy, số nợ còn lại là: 11.742.897.496 đồng Công ty cổ phần X - V vẫn chưa thanh toán.

Do đó, Công ty cổ phần S yêu cầu Toà án buộc Công ty cổ phần X - V phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là: 18.353.397.289 đồng. Trong đó, công nợ gốc là: 11.742.897.496 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm do Ngân hàng N1 quy định, tính từ ngày chậm thanh toán theo thoả thuận tại các hợp đồng trên đến ngày xét xử (12/5/2025) là 6.610.499.793 đồng.

Lãi tiếp tục tính trên số dư công nợ gốc theo mức lãi suất 9%/năm kể từ ngày 13/5/2025 cho đến khi Công ty cổ phần X - V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

** Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần X - V là ông Trịnh Văn V trình bày như sau:*

Công ty cổ phần X thừa nhận toàn bộ quá trình giao kết và thực hiện các hợp đồng như đại diện Công ty cổ phần S trình bày.

Tại Công văn số 431/2024/CV/DTV-CT-KT ngày 29/8/2024 về việc "*Cam kết thanh toán công nợ*" Công ty cổ phần X đã thừa nhận toàn bộ số nợ gốc của cả 03 Hợp đồng nói trên là 12.542.897.496 đồng và cam kết tiến độ thanh toán như sau:

- Thanh toán trong tháng 9/2024: 542.897.496 đồng;

- Công nợ còn lại 12.000.000.000 đồng sẽ thanh toán trong vòng 06 tháng, từ tháng 10/2024 đến tháng 3/2025, mỗi tháng 2.000.000.000 đồng;

Tuy nhiên, do Công ty cổ phần X - V chưa thu hồi được công nợ nên ngày 29.11.2024 Công ty cổ phần X - V thanh toán được 100.000.000 đồng, ngày 21/01/2025 Công ty cổ phần X -V thanh toán 300.000.000 đồng, ngày 22/01/2025 thanh toán 200.000.000 đồng và ngày 29/4/2025 thanh toán tiếp 200.000.000 đồng. Tổng cộng: 800.000.000 đồng. Như vậy, số công nợ còn lại là: 11.742.897.496 đồng Công ty cổ phần X - V chưa thanh toán.

Hiện nay, Công ty cổ phần X - V vẫn chưa thu hồi được công nợ từ các chủ đầu tư nên chưa có tiền để trả hết một lần cho Công ty cổ phần S. Công ty cổ phần X - V đề nghị Công ty cổ phần S tạo điều kiện cho trả dần số công nợ gốc mỗi tháng 250.000.000 đồng, còn số tiền lãi xin được giảm bớt, chỉ trả 10% số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử hiện nay của 3 hợp đồng (6.610.499.793 đồng).

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án như sau:

- Đối với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Đối với HĐXX: tại phiên tòa HĐXX thực hiện đúng nguyên tắc xét xử và thành HĐXX theo qui định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 266 của Bộ luật Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 138, Điều 140, 144, 146, 147 Luật xây dựng; Điều 306 Luật Thương mại;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S đối với Công ty cổ phần X - V về việc "*Tranh chấp hợp đồng thi công*". Buộc Công ty cổ phần X - V phải thanh toán cho Công ty cổ phần S toàn bộ số tiền còn nợ là: 18.353.397.289 đồng. Trong đó, công nợ gốc là: 11.742.897.496 đồng; tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm do Ngân hàng N1 quy định là 6.610.499.793 đồng (tính đến ngày 12/5/2025); và phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc theo lãi suất do các bên đã thỏa thuận từ ngày 13/5/2025 đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Công ty cổ phần S đối với Công ty cổ phần X - V là "*Tranh chấp hợp đồng thi công*" phát sinh từ quan hệ hợp đồng, nguyên đơn lựa chọn Toà án nơi các Hợp đồng được thực hiện là phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng giải quyết nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng thi công số: 0611/2018/HĐTC/DELTAV-S ngày 06/11/2018 về việc Cung cấp và thi công xây lắp hệ thống cơ điện của công trình: Toà nhà căn hộ khách sạn N thuộc Dự án Khu nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp the E, tại đường T, phường

H, quận N, thành phố Đà Nẵng; Hợp đồng 3001/2021/HĐTC DELTA V- S ngày 30/01/2021 về việc "Cung cấp và thi công xây lắp hệ thống cơ điện căn mẫu" cho công trình: Dự án Khu nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp the E, tại đường T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng và Hợp đồng 0708/2021/HĐTC DELTA V - S ngày 07/08/2021 về việc "Cung cấp và thi công xây lắp hệ thống cơ điện 698 căn" cho "Toà nhà căn hộ khách sạn C (COR 4)" của dự án "Khu nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp the E, tại đường T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, được ký kết giữa Công ty cổ phần S và Công ty cổ phần X-V được hai bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, có nội dung và hình thức không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Sau khi thực hiện xong các hợp đồng trên, các bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng, riêng hợp đồng 0708/2021/HĐTC DELTA V - SEATECCO ngày 07/08/2021 tại phiên toà hai bên đều thừa nhận đã thoả thuận dừng thực hiện giữa chừng nhưng đã quyết toán, chốt công nợ.

Tại Công văn số 431/2024/CV/DTV-CT-KT ngày 29/8/2024 về việc "*Cam kết thanh toán công nợ*" Công ty cổ phần X đã thừa nhận toàn bộ số nợ gốc của cả 03 Hợp đồng nói trên là 12.542.897.496 đồng và cam kết tiến độ thanh toán như sau:

- Thanh toán trong tháng 9/2024: 542.897.496 đồng;

- Công nợ còn lại 12.000.000.000 đồng sẽ thanh toán trong vòng 06 tháng, từ tháng 10/2024 đến tháng 3/2025, mỗi tháng 2.000.000.000 đồng;

Tuy nhiên, mãi đến 21/01/2025 Công ty cổ phần X -V mới thanh toán được 300.000.000 đồng, ngày 22/01/2025 thanh toán được 200.000.000 đồng và ngày 29/4/2025 thanh toán tiếp 200.000.000 đồng. Ngoài ra, trước đó vào ngày 29.11.2024 Công ty cổ phần X - V còn thanh toán được 100.000.000 đồng. Tổng cộng: 800.000.000 đồng. Như vậy, số nợ còn lại là: 11.742.897.496 đồng Công ty cổ phần X - V vẫn chưa thanh toán.

Như vậy, Công ty cổ phần X đã không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ thanh toán nên Công ty cổ phần S khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần X - V phải thanh toán toàn bộ công nợ gốc của 03 hợp đồng trên với số tiền 11.742.897.496 đồng là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 144 của Luật xây dựng nên chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán của Công ty cổ phần S, HĐXX xét thấy:

Căn cứ Bảng chi tiết công nợ phải thu và Lãi vay của Công ty cổ phần X - V đến ngày 12/5/2025 do Công ty cổ phần S lập thì thấy: Công ty cổ phần S đã tính lãi chậm thanh toán của từng hợp đồng theo từng đợt xuất hoá đơn (tức là hồ sơ đề nghị thanh toán đã đầy đủ và được bên Công ty cổ phần X - V chấp nhận) đến ngày xét xử.

Tại phiên toà, đại diện Công ty cổ phần S xác định, theo thoả thuận tại Điều 3 của Hợp đồng 0611/2018/HĐTC/DELTAV- SEATECCO ngày 06/11/2018 và Hợp đồng 0708/2021/HĐTC DELTAV - SEATECCO ngày 07/08/2021 thì thời hạn thanh toán là 07 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành được Công ty cổ phần X - V chấp nhận (và Công ty cổ phần S xuất hoá đơn); Tại khoản 9.4 Điều 9 của các Hợp đồng trên có thoả thuận: Bất kỳ đợt thanh toán nào cũng không được quá 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán theo thoả thuận tại Điều 3 của các Hợp đồng này. Trong thời hạn 30 ngày nêu trên bên A (Công ty cổ phần X) sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày đến hạn đến thời điểm thanh toán. Tuy nhiên, thực tế đối với hai Hợp đồng trên Công ty cổ phần S để đến hết 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn mới tính lãi chậm thanh toán là hoàn toàn có lợi cho Bị đơn. Đối với Hợp đồng 3001/2021/HĐTC - DELTAV - SEATECCO ngày 30/01/2021 tại khoản 8.5 Điều 8 các bên thoả thuận bất kỳ đợt thanh toán nào cũng không được quá 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán theo quy định tại điều khoản Phương thức thanh toán của Hợp đồng. Nếu quá thời hạn 30 ngày nêu trên bên B có quyền tính lãi suất chậm thanh toán bằng lãi suất vay quá hạn do Ngân hàng thương mại cổ phần C1 trên tổng số tiền chậm thanh toán *tính từ ngày đến hạn thanh toán* cho đến ngày thanh toán thực tế. Theo quy định tại khoản 4.2.4 Điều 4 (điều khoản Phương thức thanh toán của Hợp đồng) thì trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ thanh toán đầy đủ được bên A (Công ty cổ phần X - V) phê duyệt (bên Công ty cổ phần S xuất hoá đơn) thì bên Công ty cổ phần X - V phải có trách nhiệm thanh toán. Như vậy, đáng lẽ khi Công ty cổ phần X - V vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Công ty cổ phần S phải tính lãi chậm thanh toán kể *từ ngày đến hạn thanh toán (chậm nhất là khi kết thúc 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đề nghị thanh toán đầy đủ được chấp nhận và Công ty cổ phần S xuất hoá đơn),* tuy nhiên, Công ty cổ phần S vẫn để đến hết 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn mới tính lãi chậm trả.

Như vậy, việc Công ty cổ phần S xác định thời điểm tính lãi chậm thanh toán như trên là có căn cứ phù hợp với thoả thuận tại khoản 9.4 Điều 9 của các Hợp đồng 0611/2018/HĐTC/DELTAV- SEATECCO ngày 06/11/2018 và Hợp đồng 0708/2021/HĐTC DELTAV - SEATECCO ngày 07/08/2021; khoản 8.5 Điều 8 của Hợp đồng 3001/2021/HĐTC - DELTAV - SEATECCO ngày 30/01/2021, đảm bảo quyền lợi của Bị đơn.

Xét mức lãi suất cơ bản 9%/năm mà Công ty cổ phần S yêu cầu thì thấy, tại Hợp đồng 0611/2018/HĐTC/DELTAV-SEATECCO ngày 06/11/2018 và Hợp đồng 0708/2021/HĐTC DELTA V - SEATECCO ngày 07/08/2021 hai bên thoả thuận mức

lãi suất chậm thanh toán được áp dụng theo mức cơ bản do Ngân hàng quy định là 9%/năm, riêng tại Hợp đồng 3001/2021/HĐTC DELTA V-SEATECCO ngày 30/01/2021 hai bên lại thoả thuận mức lãi suất chậm thanh toán được áp dụng theo mức lãi suất vay quá hạn do Ngân hàng C1. Tuy nhiên, các bên không thoả thuận rõ Ngân hàng thương mại là Ngân hàng nào; trong quá trình tố tụng và tại phiên toà đại diện Công ty cổ phần S cũng chỉ yêu cầu mức lãi suất chậm thanh toán đối với khoản nợ của Hợp đồng 3001/2021/HĐTC DELTA V - SEATECCO ngày 30/01/2021 theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn cũng chấp nhận và không có ý kiến gì về thời điểm tính lãi cũng như mức lãi suất mà Công ty cổ phần S áp dụng, do đó yêu cầu về lãi suất của Công ty cổ phần S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên được chấp nhận. Buộc Công ty cổ phần X - V phải trả cho Công ty cổ phần S số tiền lãi chậm thanh toán 6.610.499.793 đồng tính đến ngày xét xử (12/5/2025) là phù hợp.

Do các bên có thoả thuận về việc trả lãi chậm thanh toán trong các hợp đồng và phía Nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số dư công nợ gốc theo mức lãi suất 9%/năm kể từ ngày 13/5/2025 cho đến khi Công ty cổ phần X - V thi hành án xong, HĐXX thấy phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối Cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin được trả dần số công nợ gốc mỗi tháng 250.000.000 đồng và xin được giảm lãi (chỉ trả 10% tiền lãi) của phía Công ty cổ phần X - V, HĐXX xét thấy trước đây Công ty cổ phần X - V cũng đã từng cam kết trả nợ thành nhiều đợt cho Công ty cổ phần S nhưng Công ty cổ phần X - V không thực hiện đúng cam kết, tại phiên toà đại diện Công ty cổ phần S không đồng ý cho trả dần nữa nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin được trả dần của Công ty cổ phần X - V.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty cổ phần S được chấp nhận nên Công ty cổ phần X - V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty cổ phần X - V phải chịu là: 126.353.397 đồng.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 63.278.000 đồng, theo biên lai thu số 0003509 ngày 06/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 266 của Bộ luật Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 138, Điều 140, 144, 146, 147 Luật xây dựng;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng thi công*" của Công ty cổ phần S đối với Công ty cổ phần X - V.

Xử:

1. Buộc Công ty cổ phần X phải trả cho Công ty cổ phần S tổng số tiền 18.353.397.289 đồng. Trong đó, công nợ gốc là: 11.742.897.496 đồng và tiền lãi là 6.610.499.793 đồng (tính đến ngày 12/5/2025).

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 13/5/2025 trên số dư công nợ gốc, theo mức lãi suất 9%/năm cho đến khi Công ty cổ phần X - V thi hành án xong.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 126.353.397 đồng Công ty cổ phần X - V phải chịu. Hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 63.278.000 đồng, theo biên lai thu số 0003509 ngày 06/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Chi cục thi hành án dân sự quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa